

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNST

Ngày: 8/5/2023

Vv: “Xin ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Trương Văn Ánh

2/Ông Lê Minh Thư

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân: không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 8 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 303/2022/TLST – HNGĐ ngày 9/12/2022. Về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 03 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2023/QĐST – HNGĐ, ngày 7/4/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Kim M, sinh năm 1973 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ H, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Cao Văn V, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ H, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 01/12/2022 nguyên đơn chị Phạm Thị Kim M trình bày:

Vào năm 1997, chị Phạm Thị Kim M và anh Cao Văn V có tổ chức lễ cưới. Nữ trang cưới gồm 2,5 chỉ vàng 24k, hiện vợ chồng đã bán tiêu xài hết. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, huyện B, Vĩnh Long và được cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 12/4/2017.

Sau khi cưới vợ chồng về sống tại tổ H, ấp T, xã T, huyện B, Vĩnh Long. Vợ chồng sống hạnh phúc có sinh được 2 con chung tên Cao Thành Đ, sinh 11/01/2000 và Cao Hữu T, sinh 24/12/2012. Hiện cháu Đ đang làm việc tại Bình Dương, cháu T đang sống vợ chồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tạo lập tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng.

Về mâu thuẫn gia đình: Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc tuy nhiên về sau vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn. Anh V có quan hệ bất chính với người phụ khác bên ngoài và thường về đánh đập chị M dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống. Vợ chồng đã nhiều lần khuyên bảo nhau thay đổi để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng đều không thành từ đó đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay. Hiện vợ chồng mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Kim M xin ly hôn với anh Cao Văn V.

Về con chung: cháu Cao Thành Đ, sinh 11/01/2000 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Cao Hữu T, sinh 24/12/2012 chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn, nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét Chị Phạm Thị Kim M nộp đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 10/02/2023. Lý do: đi làm xa và làm công nhân nên không thể dự tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử. Chị M xin bảo lưu lời khai và yêu cầu theo đơn khởi kiện. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử xem xét quyết định chấp nhận yêu cầu xin vắng mặt chị Phạm Thị Kim M.

Xét Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử anh Cao Văn V được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến dự tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng thẩm

phán Tòa án nhân dân Tối cao nên Hội đồng xét xử xem xét quyết định xét xử vắng mặt anh Cao Văn V.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1997, chị Phạm Thị Kim M và anh Cao Văn V có tổ chức lễ cưới. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, huyện B, Vĩnh Long và được cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 12/4/2017 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do anh V có quan hệ bất chính với người phụ khác bên ngoài và thường về đánh đập chị M. Anh chị không dung hòa được tình cảm vợ chồng, không hàn gắn được hạnh phúc gia đình. Chị M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nữa, mục đích hôn nhân không đạt được do đó chị M không còn mong muốn cùng anh V xây dựng một gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Nên chị M cương quyết ly hôn. Xét yêu cầu của chị M là có cơ sở nên áp dụng vào Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Kim M. Chị Phạm Thị Kim M1 được ly hôn anh Cao Văn V.

[4] Xét về con chung: Chị Phạm Thị Kim M và anh Cao Văn V chung sống với nhau có 2 con chung: cháu Cao Thành Đ, sinh 11/01/2000 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Cao Hữu T, sinh 24/12/2012 chị M đang trực tiếp nuôi dưỡng, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Xét thấy chị M đang trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu T. Để ổn định môi trường sống, chăm sóc, nuôi dưỡng và học tập của cháu T không bị thay đổi nên để chị M tiếp tục nuôi cháu T và phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Chị M yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Xét chị M yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 tháng so với thực tế là không cao và có lợi cho anh V nên yêu cầu của chị M là có cơ sở. Áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84, 110 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Kim M. Cháu Cao Thành Đ, sinh 11/01/2000 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Cao Hữu T, sinh 24/12/2012 chị Phạm Thị Kim M được tiếp tục nuôi dưỡng. Buộc anh V cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/1 tháng đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Anh Cao Văn V được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh V không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của của anh V.

[5] Về quan hệ tài sản: Chị Phạm Thị Kim M và anh Cao Văn V không có tạo lập ra tài sản chung và không có nợ ai, không ai nợ vợ chồng chị. Chị M không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Phạm Thị Kim M nộp 300.000 đồng, chị M được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013959 ngày 9/12/2022 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

[7] Án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Cao Văn V nộp 300.000 đồng

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Kim M

1/Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Kim M1 được ly hôn anh Cao Văn V.

2/Về con chung:

- Cháu Cao Thành Đ, sinh 11/01/2000 đã trưởng thành nên chị M không yêu cầu Toà án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Chị Phạm Thị Kim M được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Cao Hữu T, sinh 24/12/2012. Buộc anh Cao Văn V cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/1 tháng đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Anh Cao Văn V được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh V không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của của anh V.

3/Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Phạm Thị Kim M nộp 300.000 đồng, chị M được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013959 ngày 9/12/2022 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

5/Án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Cao Văn V nộp 300.000 đồng.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7/Án xử công khai nguyên đơn chị Phạm Thị Kim M xin vắng mặt và bị đơn Cao Văn V vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

Nơi nhân:

- TAND Tỉnh;
- VKS Huyện;
- THA huyện;
- UBND xã Tân Bình,
- Huyện Bình Tân, Vĩnh Long
- các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thành Tựu